



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LÂM THỦY SẢN BẾN TRE
FAQUIMEX**

Số 71, Quốc lộ 60, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Bến Tre

Tel: 84.75.3895795 - Fax: 84.75. 3895569

E-mail: contact@faquimex.com.vn - Website: www.faquimex.com

Bến Tre, ngày 31 tháng 5 năm 2013



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU LÂM THỦY SẢN BẾN TRE**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch tiếng Anh: BENTRE FORESTRY AND AQUAPRODUCT
IMPORT – EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: FAQUIMEX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1300102484 (thay đổi lần 6) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre cấp ngày 6/10/2010.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Trụ sở chính: Số 71 Quốc lộ 60, Thị trấn Châu Thành, Châu Thành, Bến Tre

* Điện thoại: 075. 3895795

* Fax: 075. 3895569

* E-mail: contact@faquimex.com.vn

* Website: www.faquimex.com

Mã Chứng khoán: FBT

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre (Faquimex) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre ký ngày 27 tháng 12 năm 2007.
- Công ty Faquimex được tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 do Quốc hội Nước Cộng hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và chính thức hoạt động là Công ty cổ phần từ ngày 09/7/2007 với vốn nhà nước không chi phối (32,8%).
- Ngày 1/4/2011, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã quyết định bán toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Faquimex và Công ty Faquimex đã trở thành Công ty 100% vốn cổ phần tư nhân.

2.2. Các sự kiện :

- Tháng 4/2009: Công ty được cấp giấy phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường Liên bang Nga.
- Tháng 10/2009: bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà

nước (SCIC) với tổng giá trị vốn đầu tư của Nhà nước tại Công ty là 49.242.000.000 đồng, tương đương 4.924.200 cổ phần.

- Tháng 6/2011, Công ty cổ phần Hùng Vương và Công ty cổ phần Nông thủy sản Việt Phú đã mua lại toàn bộ 4.924.200 cổ phần của SCIC và trở thành cổ đông lớn của Công ty.
- Công ty Faquimex là thành viên Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP).
- Công ty Faquimex áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất như: HACCP, ISO 9001:2000, ACC, GAP, IFS
- Công ty Faquimex được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU với 2 code: DL 333, DL 86. Được phép xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường Nga với code: DL 333. Được cấp chứng chỉ HALAL để xuất khẩu sang cộng đồng người Hồi giáo.

2.3. Niêm yết cổ phiếu:

- Từ ngày 27/12/2007, cổ phiếu FBT chính thức được niêm yết tại TT GDCK TP.HCM theo Quyết định số 188/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh:

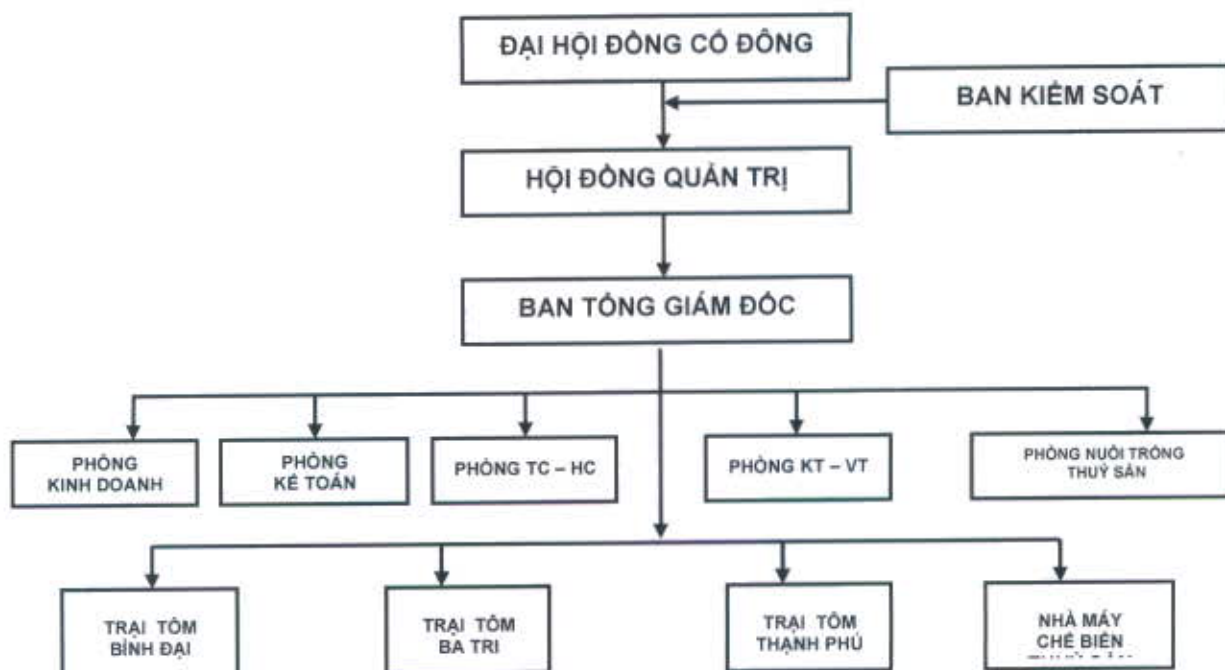
- Sản xuất kinh doanh giống thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến và xuất khẩu thủy sản.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

- Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

4.2. Bộ máy quản lý:



4.3. Công ty liên kết:

- Công ty cổ phần giống thủy sản Hùng vương Bến Tre (30% vốn điều lệ)

5. Định hướng phát triển:

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chính là nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản xuất khẩu với mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, mang lại cổ tức cao cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Củng cố toàn diện hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực về nhân sự và tài chính để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn, tồn tại và tìm hướng phát triển trong tình hình kinh tế hiện nay.
- Tập trung khai thác triệt để mọi nguồn lực về nguồn vốn, tài sản phục vụ cho hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu.
- Mở rộng thị trường và ổn định khách hàng truyền thống đối với mặt hàng chủ lực của công ty là tôm đông lạnh xuất khẩu.
- Đầu tư sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng theo nhu cầu thị trường kết hợp tiếp thị đối với các sản phẩm mới, chú trọng việc quảng bá thương hiệu đối với thị trường nước ngoài nhằm chia sẻ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro xuất phát từ hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm gần đây, tình hình nuôi trồng thủy sản thường xuyên đối mặt với tình hình dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh đốm trắng và hội chứng hoại tử gan tụy cấp tính xảy ra trên tôm nuôi làm tôm chết hàng loạt làm ảnh hưởng đến kết quả và hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2. Rủi ro từ thị trường xuất khẩu:

- Các thị trường lớn Nhật, Mỹ vẫn còn nhiều thách thức do các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật của các nước này ngày càng áp dụng mạnh hơn

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch năm 2012</i>	<i>Thực hiện năm 2012</i>
1	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	2139	1373
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	315	128,535
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60,5	- 55,098
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,5	- 55,098
5	Lãi cơ bản trên CP	Đồng	5370	-

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Số cổ phần sở hữu</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Phan Văn Trí	Tổng Giám đốc	-	
2	Trần Hiếu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	2700	
3	Lê Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc	2200	Bổ nhiệm 6/2/2012
4	Phạm Ngọc Huệ	Kế toán trưởng	-	Bổ nhiệm 1/6/2012

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Lê Thị Huyền từ ngày 6 tháng 2 năm 2012
- Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Vui từ ngày 1 tháng 6 năm 2012
- Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với Ông Phạm Ngọc Huệ từ ngày 1 tháng 6 năm 2012

2.3. Số lượng CB-CNV – Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Số lượng CB – CNV: 754 người
- Công ty thực hiện tốt và đầy đủ các chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động như: tiền lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN, trang thiết bị bảo hộ lao động nhằm đảm bảo điều kiện sản xuất và thu nhập của người lao động được phát triển ổn định qua các năm.

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

- 3.1. Các khoản đầu tư lớn: không có
- 3.2. Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

4.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 11.265.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 4.924.200 cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/5/2012):

- Cơ cấu vốn cổ đông:

Stt	Danh mục	Số cổ phần	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông bên trong	18.190	0,161	24		24
	HĐQT	2.210	0,02	2		2
	BKS	1.780	0,016	3		3
	Ban TGD	2.700	0,024	1		1
	CB-CNV	11.500	0,11	18		18
2	Cổ đông bên ngoài	11.246.810	99,839	635	9	626
	Trong nước	11.243.290	99,807	626	8	618
	Ngoài nước	3.520	0,031	9	1	8
3	Cộng	11.265.000	100	659	9	650

- Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Hùng Vương	Lô 44, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	2.724.200	24,18
2	Công ty cổ phần Nông thủy sản Việt Phú	Lô 34-36, KCN Mỹ Tho, Tiền Giang	2.200.000	19,53
3	Nguyễn Văn Hoàng	288/9/1A Dương Đình Hội, P. Tăng Nhơn Phú, Q.9	1.036.000	9,20
4	Trần Thị Hường	203, CMT8, P.4, Quận 3, Tp.HCM	1.000.000	8,88
	Tổng cộng		6.960.200	61,79

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

không có

4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

không có

4.5. Các chứng khoán khác:

không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới chưa hồi phục sau suy thoái và khủng hoảng nợ công Châu Âu đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp thủy sản: Tình hình xuất khẩu giảm so với các năm trước do sức mua của các nước giảm mạnh trong đó có hai thị trường xuất khẩu tiềm năng nhất của công ty là Nhật và EU. Đặc biệt là thị trường Nhật do

ảnh hưởng của rào cản kỹ thuật mà Nhật đang áp dụng đối với mặt hàng tôm nuôi của Việt Nam

- Năm 2012, hoạt động kinh doanh của công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, hoạt động nuôi tôm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh kéo dài đặc biệt là dịch bệnh đốm trắng và hội chứng suy gan tuy cấp tính làm tôm chết hàng loạt. Mặt khác, giá nguyên liệu đầu vào nhập khẩu thấp làm giá tôm trong nước không thể cạnh tranh được.
- Từ những nguyên nhân chủ yếu trên đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty là công ty xuất khẩu thủy sản có vùng nuôi nên rủi ro và bất lợi tăng gấp đôi. Năm 2012 hoạt động kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài chính:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2011 (tỷ đồng)</i>	<i>Năm 2012 (tỷ đồng)</i>
Tổng giá trị tài sản	245,894	284,241
Doanh thu thuần	202,634	128,535
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9,548	-58,117
Lợi nhuận khác	-2,639	3,018
Lợi nhuận trước thuế	6,908	-55,098
Lợi nhuận sau thuế	6,908	-55,098

2.2. Các chỉ tiêu khác:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,84	0,65
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,63	0,27
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,91
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,04	10,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	6,95	1,98
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,82	0,45
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	- 0,43
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	- 2,18
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	- 0,19
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	- 0,45

3. Kế hoạch và giải pháp:

3.1. Giải pháp ngắn hạn:

- Nhanh chóng ổn định và hồi phục sản xuất sau thua lỗ.
- Cắt giảm tối đa chi phí đầu vào; tăng cường biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chi thu tài chính.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ quy trình nuôi từ sản xuất giống đến nuôi trồng để kiểm soát và hạn chế dịch bệnh
- Đẩy mạnh công suất nhà máy: sản xuất cho hoạt động xuất khẩu của công ty, gia công bên ngoài nhằm khai thác hết công suất của nhà máy.

3.2. Giải pháp dài hạn:

- Việc đánh giá thị trường xuất khẩu thủy sản và vùng nuôi vẫn còn phải đối mặt với những rủi ro thách thức từ những thị trường lớn như Châu Âu, Mỹ, Nhật và những thách thức mới từ những thị trường thấp hơn như Mexico, Philippin,... Do đó xác định quy mô và định hướng sản xuất phù hợp với nguồn lực: tài chính, nhân sự, tài sản sẵn có; mạnh dạn thu hẹp quy mô, loại bỏ chi phí bất hợp lý; cắt giảm, thanh lý tài sản hoạt động không hiệu quả.
- Áp dụng những tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến, đảm bảo từng bước phát triển cho những năm tiếp theo.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2012, Hội đồng quản trị công ty cũng nhận thức được hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức nên ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung đưa ra những chủ trương, định hướng và kế hoạch sản xuất phù hợp với tình hình thực tế.
- Tuy nhiên trước những diễn biến phức tạp của thị trường và điều kiện môi trường biến đổi những tháng cuối năm 2012 không kiểm soát được, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng khắp cả nước, vì vậy hoạt động SXKD của Công ty năm 2012 không đạt kế hoạch.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Triển khai và thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị đầy đủ, kịp thời theo chức năng nhiệm vụ được giao. Tuân thủ quy trình quản lý, quy chế hoạt động của Công ty, duy trì chế độ kiểm soát nội trong quản lý, chỉ tiêu tài chính. Báo cáo định kỳ hàng tháng, quý kết quả hoạt động kinh doanh cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- Tuy nhiên, trong quá trình điều hành do chưa tiên lượng kịp thời các biến động thị trường, tình hình dịch bệnh có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

- Sẽ được báo cáo và thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Số cổ phần sở hữu</i>	<i>Thành viên HĐQT độc lập không điều hành</i>
1	Lê Mạnh Đức	Chủ tịch HĐQT	-	x
2	Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	-	x
3	Phan Văn Trí	Thành viên HĐQT	-	
4	Lê Thị Huyền	Thành viên HĐQT	2200	
5	Lưu Thị Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	-	x

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: HĐQT không thành lập các tiểu ban

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Lãnh đạo, kiểm tra giám sát hoạt động của công ty.
- Hoạch định chính sách, phương hướng hoạt động và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh cho công ty.
- Định kỳ đánh giá tính hình, kết quả hoạt động của công ty từng quý, 6 tháng và năm nhằm kịp thời cập nhật thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc công ty, các Trưởng phòng ban – đơn vị trực thuộc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Số cổ phần sở hữu</i>
1	Võ Minh Phương	Trưởng ban	1420
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	170
3	Nguyễn Thị Trúc Thu	Thành viên	200

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tham gia các buổi họp của HĐQT và Ban điều hành công ty, kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xem xét tình hình tài chính, các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Phòng kế toán cung cấp
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

3. Các giao dịch, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012:

3.1. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Lê Mạnh Đức	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
2	Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	79.000.000
3	Phan Văn Trí	Thành viên HĐQT	72.000.000
4	Lê Thị Huyền	Thành viên HĐQT	72.000.000
5	Lưu Thị Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	72.000.000

3.2. Thù lao của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Võ Minh Phương	Trưởng ban	50.000.000
2	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	36.000.000
3	Nguyễn Thị Trúc Thu	Thành viên	36.000.000

3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Minh Phương	Trưởng ban kiểm soát	0	0	1420	0,013%	Mua

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán (Theo công văn số 61000409/15735468 ngày 6/5/2013 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 4 năm 2012, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần do không

thống nhất việc hạch toán kế toán đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kiểm toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy không đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần, như một phần của công việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2012, chúng tôi cũng đã kiểm toán các số liệu điều chỉnh lại được trình bày ở Thuyết minh số 30 được áp dụng để chỉnh sửa các báo cáo tài chính năm 2011. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh lại này là hợp lý và được áp dụng một cách phù hợp. Chúng tôi đã không ký kết hợp đồng để thực hiện công việc kiểm toán, soát xét, hay thực hiện bất kỳ các thủ tục cho các báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty ngoài các điều chỉnh lại này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hoặc sự đảm bảo nào cho các báo cáo tài chính năm 2011 xét trên khía cạnh tổng thể.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Văn Trí